

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 11 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Thị Đức và ông Phan Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 286/2024/HNGĐ-ST ngày 30/10/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HN&GD, ngày 12/11/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nhung H, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Khu Phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Lộc Văn T, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị H, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhung H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn về kinh tế nên cả hai không có tiếng nói chung, vợ chồng làm ăn tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay anh T về địa phương làm ăn và sinh sống tại huyện Đ không liên lạc với chị và các con. Nay chị xác định tình cảm không còn do cuộc sống kẻ Bắc người Nam khó có thể hòa hợp nên đề nghị Tòa án giải

quyết ly hôn đơn phương chấm dứt tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc vì thời gian vợ chồng ly thân đến nay đã gần 6 năm, anh T không mang lại hạnh phúc cho chị và các con.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có hai con chung: cháu Lộc Minh P, sinh ngày 11/02/2011; cháu Lộc Thị Mỹ H1, sinh ngày 12/6/2013. Hiện các con đang ở ổn định và học tập cùng chị tại tỉnh Bình Phước nên chị đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Không có không đặt ra việc giải quyết.

Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết..

*Tại biên bản lấy lời khai (bằng hình thức gọi điện thoại cho anh T, có sự chứng kiến của bố mẹ đẻ anh T là ông Lộc Văn C và bà Hà Thị H2 cùng chính quyền địa phương ông Trương Văn H3 – trưởng xóm N, xã P) anh T đã trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống bình thường. Từ khoảng 7 đến 8 năm nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị H làm đơn ly hôn anh nhất trí không có ý kiến gì. Tuy nhiên, do công việc làm ăn anh không về Tòa án để giải quyết ly hôn nên xin được vắng mặt. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa anh và chị H có 02 con chung là cháu Lộc Minh P, sinh ngày 11/02/2011 và Lộc Thị Mỹ H1, sinh ngày 12/6/2013. Nay chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung anh đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh đồng ý và có trách nhiệm với các con theo khả năng tài chính của mình.

Về tài sản chung: Không có không đặt ra việc giải quyết.

Về khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

***Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đại Từ phát biểu quan điểm:***

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 13, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị H được ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Đề nghị giao cả hai con chung cháu Lộc Minh P, sinh ngày 11/02/2011; cháu Lộc Thị Mỹ H1, sinh ngày 12/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Nhung H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

- *Về tài sản chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết

- *Về nợ chung, các khoản cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Án phí*: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu ý quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn anh Lộc Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh T vắng mặt tại quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nhưng anh T đã được thông báo hợp lệ qua người thân là bố, mẹ để nhận và cam kết giao cho anh T trực tiếp giấy báo, các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai anh T cũng đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự trong vụ án. Giành quyền kháng cáo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Về thủ tục hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn anh T không đến làm việc nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản về lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được. Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 220 của của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy

định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nhung H đối với anh Lộc Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Chị Nguyễn Thị Nhung H và anh Lộc Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2010, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm nên cả hai không có tiếng nói chung, cũng từ năm 2018 đến nay vợ chồng ly thân không ai liên lạc với ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị H với anh T tại gia đình bố, mẹ đẻ của anh T (ông Lộc Văn C và bà Hà Thị H2) và được cung cấp thông tin: Sau khi kết hôn, chị H, anh T sống cùng gia đình nhà chồng nhưng được thời gian ngắn các con cùng nhau vào tỉnh Bình Phước làm ăn. Tuy nhiên, do anh T không quan tâm và đối xử không tốt với chị H dẫn đến vợ chồng ly thân khoảng thời gian dài, giữa chị H với gia đình nhà chồng có mối quan hệ thân thiện và không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2018 đến nay chị H và anh T ly thân, do công việc tự do nên anh T là con ông, bà thường nay đây, mai đó không cố định ở một nơi nhưng vẫn về gia đình tại xóm N, xã P. Do đó việc đoàn tụ của các con là rất khó khăn. Chị H có đơn ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Do đó, việc chị H, anh T có mâu thuẫn và hiện không còn chung sống với nhau là thực tế. Chị H4 đơn xin ly hôn và đề nghị Toà án không hoà giải đoàn tụ, anh T cũng đồng ý ly hôn. Đó là ý chí tự nguyện của cả hai, thể hiện chị H và anh T đều không có mong muốn hàn gắn, đoàn tụ để xây dựng cuộc sống chung.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*.

Xét thấy, chị H và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T1 phù hợp thực tế và phù hợp với Điều 19, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lộc Minh P, sinh ngày 11/02/2011; cháu Lộc Thị Mỹ H1, sinh ngày 12/6/2013. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Quá trình làm việc, lấy lời khai của anh T, anh T cũng nhất trí cho chị H được quyền nuôi cả hai con, việc cấp dưỡng đôi bên tự thỏa thuận.

Hội đồng xét xử thấy: Hiện cả hai con chung của chị H và anh T đang sinh sống, học tập ổn định cùng mẹ tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Tại bản tự khai các con cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị H. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chững đối với anh T cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về khoản nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tại phiên toà là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 178, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nhung H với anh Lộc Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nhung H được ly hôn với anh Lộc Văn T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung cháu Lộc Minh P, sinh ngày 11/02/2011 và cháu Lộc Thị Mỹ H1, sinh ngày 12/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Nhung H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có không đặt ra việc giải quyết.

4. Về nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhung H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị H được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, theo biên lai thu số 0005668 ngày 30/10/2024. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các bên đương sự tại phiên tòa. Báo cho biết, chị H, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Phú Lạc, huyện Đại Từ (ĐKKH số 31, Quyết số 01/2010 ngày 28/9/2010);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**